



PHƯỜNG AN
CHI TIẾT BỜ THƯỜNG, HỒ TRỌ, TÀI ĐỊNH CƯ ĐỔI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT BỊ THU HỒI

Khu đô thị mới, thương mại dịch vụ - tiêu khu 65.1 tại phường Tam Sơn, phường Đông Ngạc và phường Hương Mạc, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, (nay là phường Phù Khê, phường Đông Ngạc, phường Tam Sơn), tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: Tổ dân phố Dương Sơn, Thờ Trai, phường Tam Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 (Kèm theo Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch UBND phường Tam Sơn)

Phụ lục	Chủ sử dụng đất theo QĐ phê duyệt phương án số 02/QĐ-UBND ngày 26/02/2026	Chủ sử dụng đất sau điều chỉnh	Tổ dân phố	Xóm	Xứ đồng	Từ TL số	Từ địa chỉ h số	Thửa số	Loại đất	Diện tích đã BT, HT			Tiền bồi thường, hỗ trợ					Chi chú
										Tổng	Đất Nhà nước giao lâu dài	Đất công ích	Tiền đất (90.000 đ/m ²)	Bồi thường cây hàng năm (tính 9.000 đ/m ²)	Tiền hỗ trợ ăn uống đời sống (15.000/m ²)	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (450.000 đ/m ²)	Tổng cộng	
1	Vũ Thị Quy	Ngô Đức Hiền - Vũ Thị Loan	Dương Sơn	Xóm Chi	Đồng Mang	4	30	50	LUC	192,0	192,0	0,0	17.280.000,0	1.728.000,0	2.880.000,0	86.400.000,0	108.288.000,0	
2	Nguyễn Thị Ngân	Nguyễn Thị Thủy	Dương Sơn	Xóm Chúc	Đồng Mang	4	30	75	LUC	372,5	372,5	0,0	33.525.000,0	3.352.500,0	5.587.500,0	167.625.000,0	210.090.000,0	
2	Nguyễn Thị Ngân	Nguyễn Thị Thủy	Dương Sơn	Xóm Chúc	Bờ Đó	4	31	288	LUC	361,0	361,0	0,0	32.490.000,0	3.249.000,0	5.415.000,0	162.450.000,0	203.604.000,0	
3	Vũ Thị Hậu	Vũ Việt Oai - Ngô Thị Thơm	Dương Sơn	Xóm Chúc	Cửa Cầu	3	17	216	LUC	552,0	552,0	0,0	49.680.000,0	4.968.000,0	8.280.000,0	248.400.000,0	311.328.000,0	
4	Nguyễn Thị Lum	Nguyễn Văn Quang	Thờ Trai	Thờ Trai	Đồng Vông	3	17	577	LUC	360,1	360,1	0,0	32.409.000,0	3.240.900,0	5.401.500,0	162.045.000,0	203.096.400,0	
Tổng cộng										1.837,6	1.837,6	0,0	165.384.000,0	16.538.400,0	27.564.000,0	826.920.000,0	1.036.406.400,0	



PHƯỜNG AN CHI TIẾT KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Đưa án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới, thương mại dịch vụ - tiểu khu 65.1 tại phường Tam Sơn, phường Đồng Kỵ và phường Hương Mạc, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, (nay là phường Phù Khê, phường Đồng Nguyên, phường Tam Sơn), tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: Tổ dân phố Dương Sơn, Thọ Trại, phường Tam Sơn, tỉnh Bắc Ninh

(Kèm theo Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch UBND phường Tam Sơn)

Phụ lục	Chủ sử dụng đất	Tổ dân phố	Xóm	Xã đồng	Tờ TTL số	Tờ BD địa chỉ h số	Thứ a số đất	Diện tích để BT, HT (m ²)		Tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng)							Ghi chú
								Tổng	Đất nhà nước giao lâu dài	Đất công ích	Tiền đất (90.000 đ/m ²)	Tiền hỗ trợ khác 50% (45.000 đ/m ²)	Bồi thường cây hàng năm (10a) (9.000 đ/m ²)	Tiền hỗ trợ ôn định đời sống (15.000/m ²)	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (450.000 đ/m ²)	Tổng cộng	
1	Ngô Thị Tứ - Nguyễn Khắc Nghi	Dương Sơn	Xóm Chích	Đồng Mây	3	17	77	180,5	60,0	120,5	5.400.000,0	5.422.500,0	540.000,0	900.000,0	27.000.000,0	39.262.500,0	Các con là CB hương lượng NS
2	Ngô Văn Tích	Dương Sơn	Xóm Chích	Đám Mạ	4	31	140	29,8	29,8	0,0	2.682.000,0	-	-	-	-	2.682.000,0	Các con là CB hương lượng NS
2	Ngô Văn Tích	Dương Sơn	Xóm Chích	Đồng Mang	4	30	109	96,1	96,1	0,0	8.649.000,0	-	-	-	-	8.649.000,0	Các con là CB hương lượng NS
3	Nguyễn Đình Dịch	Dương Sơn	Xóm Chích	Cửa Cầu	3	17	100	111,9	111,9	0,0	10.071.000,0	-	1.007.100,0	1.678.500,0	50.355.000,0	63.111.600,0	
4	Nguyễn Đức Hùng	Dương Sơn	Xóm Chích	Đồng Mang	4	30	11	360,0	360,0	0,0	32.400.000,0	-	-	-	-	32.400.000,0	CB hương lượng NS
4	Nguyễn Đức Hùng	Dương Sơn	Xóm Chích	Đồng Mang	4	30	66	180,0	180,0	0,0	16.200.000,0	-	-	-	-	16.200.000,0	CB hương lượng NS
5	Nguyễn Thị Tiên	Dương Sơn	Xóm Chích	Đám Mạ	4	31	137	228,1	228,1	0,0	20.529.000,0	-	-	3.421.500,0	102.645.000,0	126.595.500,0	C6 TS
6	Nguyễn Văn Cảm - Vũ Thị Huệ	Dương Sơn	Xóm Chích	Bờ Đò	4	31	90	312,1	312,1	0,0	28.089.000,0	-	2.808.900,0	4.681.500,0	140.445.000,0	176.024.400,0	
7	Nguyễn Văn Thich - Nguyễn Thị Nhi	Dương Sơn	Xóm Chích	Bờ Đò	4	31	88	360,0	360,0	0,0	32.400.000,0	-	3.240.000,0	5.400.000,0	162.000.000,0	203.040.000,0	
8	Tạ Thị Pha	Dương Sơn	Xóm Chích	Bờ Đò	4	31	89	312,1	312,1	0,0	28.089.000,0	-	2.808.900,0	4.681.500,0	140.445.000,0	176.024.400,0	
9	Vũ Đình Long	Dương Sơn	Xóm Chích	Cửa Cầu	3	17	68	120,0	0,0	120,0	-	5.400.000,0	-	-	-	5.400.000,0	

Phụ lục	Chủ sử dụng đất	Tổ dân phố	Xóm	Xã	Tờ TL số	Tờ BD địa chính số	Thửa số	Loại đất	Diện tích đất BT, HT (m ²)			Tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng)						Ghi chú
									Tổng	Đất Nhà nước giao lâu dài	Đất công ích	Tiền đất (90.000 đ/m ²)	Tiền hỗ trợ khác 50% (45.000 đ/m ²)	Bồi thường cây hàng năm (túa) (9.000 đ/m ²)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống (15.000/m ²)	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (450.000 đ/m ²)	Tổng cộng	
10	Vũ Khắc Tập - Tạ Thị Vinh	Dương Sơn	Xóm Chúc	Bờ Đó	4	31	91	LUC	481,2	481,2	0,0	43.308.000,0	-	4.330.800,0	7.218.000,0	216.540.000,0	271.396.800,0	
11	Vũ Việt Chương - Dương Thị Viện	Dương Sơn	Xóm Chúc	Bờ Đó	4	31	87	LUC	240,0	240,0	0,0	21.600.000,0	-	2.160.000,0	3.600.000,0	108.000.000,0	135.360.000,0	
12	Vũ Việt Dương - Nguyễn Thị Nga	Dương Sơn	Xóm Chúc	Đông Mây	3	16	29	LUC	192,0	192,0	0,0	17.280.000,0	-	-	-	-	17.280.000,0	CB hưởng lương NS
12	Vũ Việt Dương - Nguyễn Thị Nga	Dương Sơn	Xóm Chúc	Đông Mang	4	30	19	LUC	492,0	492,0	0,0	44.280.000,0	-	-	-	-	44.280.000,0	CB hưởng lương NS
13	Vũ Việt Tào - Ngô Thị Hạnh (Vũ Việt Ngô)	Dương Sơn	Xóm Chúc	Bờ Khâm	3	16	93	LUC	528,1	528,1	0,0	47.529.000,0	-	4.752.900,0	7.921.500,0	237.645.000,0	297.848.400,0	
14	Vũ Việt Trang	Dương Sơn	Xóm Chúc	Đông Mang	4	30	117	LUC	120,0	120,0	0,0	-	5.400.000,0	-	-	-	5.400.000,0	
15	Nguyễn Chí Hạnh	Thọ Trại	Thọ Trại	Đông Vông	3	16	106	LUC	264,3	264,3	0,0	-	11.893.500,0	-	-	-	11.893.500,0	
16	Nguyễn Đình Huân	Thọ Trại	Thọ Trại	Đông Vông	3	17	533	LUC	264,6	264,6	0,0	-	11.907.000,0	-	-	-	11.907.000,0	
17	Nguyễn Đức Hải (Nguyễn Thị Can)	Thọ Trại	Thọ Trại	Đông Vông	3	17	485	LUC	240,1	240,1	0,0	-	10.804.500,0	-	-	-	10.804.500,0	
18	Nguyễn Trọng Phương	Thọ Trại	Thọ Trại	Đông Vông	3	17	532	LUC	240,5	240,5	0,0	-	10.822.500,0	-	-	-	10.822.500,0	
19	Nguyễn Văn Phong	Thọ Trại	Thọ Trại	Đông Vông	3	17	420	LUC	360,0	360,0	0,0	32.400.000,0	-	3.240.000,0	5.400.000,0	162.000.000,0	203.040.000,0	
20	Nguyễn Văn Tuấn	Thọ Trại	Thọ Trại	Đông Vông	3	17	505	LUC	708,0	641,0	67,0	57.690.000,0	3.015.000,0	5.769.000,0	9.615.000,0	288.450.000,0	364.539.000,0	
21	Nguyễn Xuân Tào - Nguyễn Thị Thái	Thọ Trại	Thọ Trại	Đông Vông	3	17	471	LUC	179,9	0,0	179,9	-	8.095.500,0	-	-	-	8.095.500,0	

Phụ lục	Chủ sử dụng đất	Tổ dân phố	Xóm	Xã/đông	Tờ TL số	Tờ BD địa chỉ số	Thửa số	Loại đất	Diện tích để BT, HT (m ²)			Tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng)							Ghi chú
									Tổng	Đất Nhà nước giao lâu dài	Đất công ích	Tiền đất (90.000 đ/m ²)	Tiền hỗ trợ khác 50% (45.000 đ/m ²)	Bồi thường cây hàng năm (lúa) (9.000 đ/m ²)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống (15.000/m ²)	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (450.000 đ/m ²)	Tổng cộng		
	UBND phường				4	31	36	BHK	0,0	0,0	0,0	-	-	-	-	-	-	-	
	UBND phường				4	31	120	LUC	0,0	0,0	0,0	-	-	-	-	-	-	-	
	Tổng cộng							0,0	6.601,3	4.984,4	1.617	448.596.000	72.760.500	30.657.600	54.517.500	1.635.525.000	2.242.056.600		

